

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN BẮC
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2024.

V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phước Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Vân

2. Bà Nguyễn Võ Phương Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Hòa Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc - Tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:** bà Lương Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Q, sinh năm 1965 (có mặt).

Bị đơn: ông Nguyễn K, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện T, Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Kim tự n tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, không bị ép buộc, hai người chung sống từ 1992, đến năm 1998 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn kéo dài do ông K có hành vi bạo lực gia đình, ông K thường xuyên đánh đập bà, nhiều lần bà đã báo chính quyền địa phương nhưng ông K vẫn tính nào tạt nấy. Đến năm 2018 không chịu đựng được việc ông K đánh đập nên bà Q đã vào thành phố Hồ Chí Minh xin việc làm

thêm, thỉnh thoảng về thăm con, nhưng những lần về lại địa phương ông Kim I chửi bới, đánh đập bà. Bà Q và ông K đã không còn yêu thương, quan tâm nhau mà mạnh ai người nấy sống gần 20 năm nay. Bà Q xác định không thể tiếp tục chung sống với ông K được nữa, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, bà Q đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông K.

- Về con chung: Bà Q và ông K có 03 người con chung là Nguyễn Duy C, sinh năm 1993, Nguyễn Duy H, sinh năm 1994, Nguyễn Duy H1, sinh năm 2002. Các con đã thành niên và có cuộc sống riêng nên bà Q không yêu cầu gì. Nguyễn Minh L, sinh năm 1987 là con riêng của bà Q với người chồng khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn K đã được Tòa án niêm yết triệu tập họp lệ đến Tòa án để ghi lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15/5/2024. Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 31/5/2024 nhưng ông Nguyễn K vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Bà Q xin có đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân do chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú xác nhận khi có tin báo thì Công an xã có xuống hiện trường và xác nhận có sự việc “ông Kim r đuổi bà Q” là có thật.

Quan điểm của Viện kiểm sát thể hiện: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn K, ông Nguyễn K có nơi cư trú tại địa bàn huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi thông báo việc thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, nội dung có ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị Q (*Yêu cầu ly hôn*). Chứng cứ kèm theo là bản sao Căn cước công dân, Trích lục kết hôn, xác nhận thông tin về cư trú. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn-ông Nguyễn K không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (*khoản 2 Điều 92 của BLTTDS*). Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn-Nguyễn K đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn-ông Nguyễn K.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy bà Trần Thị Q và ông Nguyễn Kim tự n tìm hiểu tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T theo Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 14, ngày 17/7/1998, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo lời trình bày của bà Trần Thị Q có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Q và ông K có xảy ra mâu thuẫn, thường hay xích mích, bất đồng quan điểm cãi nhau do ông K hay uống rượu say về kiếm chuyện, gây gổ chửi mắng, đánh đập bà Q nhiều lần, hai người không còn sống chung với nhau gần 20 năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Bà Q cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai không thể quay về chung sống đoàn tụ với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông K. Chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống có xác nhận có sự việc “ông Kim r đuổi bà Q” là đúng sự thật.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của bà Q, ông K là nghiêm trọng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có lỗi từ phía ông K. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Q được ly hôn ông K.

[3] Về con chung: Bà Q và ông K có 03 người con chung là Nguyễn Duy C, sinh năm 1993, Nguyễn Duy H, sinh năm 1994, Nguyễn Duy H1, sinh năm 2002. Các con đã thành niên và có cuộc sống riêng, không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của HĐXX nên đề nghị của Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là bà Trần Thị Q đối với Bị đơn là ông Nguyễn K.

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Q được ly hôn ông Nguyễn K.

Về án phí: bà Trần Thị Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 00001817 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc (bà Trần Thị Q đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử sơ thẩm, công khai, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thuận Bắc;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Lợi Hải
(GCNKH ngày 17/7/1998);
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Phước Trí